

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 73/2007/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định đơn giá nhà áp dụng thu lệ phí trước bạ
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 95/2005/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BTC ngày 08 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2005/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng đơn giá nhà (nhà ở, nhà làm việc, nhà xưởng, nhà kho, cửa hàng, cửa hiệu và các công trình kiến trúc khác) áp dụng để tính thu lệ phí trước bạ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ được quy định như sau:

1. Kê khai lệ phí trước bạ lần đầu: 100%
2. Kê khai lệ phí trước bạ từ lần thứ 2 trở đi:

Thời gian đã sử dụng	Nhà cấp I (%)	Nhà cấp II (%)	Nhà cấp III (%)	Nhà cấp IV (bao gồm cả nhà biệt thự) (%)
- Dưới 5 năm	95	90	90	80
- Từ 5 đến 10 năm	90	85	80	65
- Trên 10 năm đến 20 năm	80	70	60	40
- Trên 20 năm đến 50 năm	60	50	40	40
- Trên 50 năm	40	40	40	40

Thời gian đã sử dụng của nhà được tính từ thời điểm (năm) xây dựng hoàn thành bàn giao nhà (hoặc đưa vào sử dụng) đến năm kê khai, nộp lệ phí trước bạ nhà đó. Trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ xác định được năm xây dựng nhà thì theo năm mua nhà hoặc nhận nhà.

Điều 3. Đối với nhà xây nhiều tầng do nhiều tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng mà không phân chia riêng biệt cho từng hộ từ tầng 1 đến tầng cuối cùng thì giá trị của từng căn hộ được tính trên tổng giá trị toàn ngôi nhà theo diện tích sử dụng và đơn giá qui định tại Bảng đơn giá nhà kèm theo Quyết định này, đồng thời phân bổ cho từng căn hộ theo hệ số điều chỉnh giá trị sử dụng như sau:

1. Sử dụng tầng 1: Áp dụng hệ số 1,0
2. Sử dụng tầng 2: Áp dụng hệ số 0,8
3. Sử dụng tầng 3: Áp dụng hệ số 0,7
4. Sử dụng tầng 4: Áp dụng hệ số 0,6
5. Sử dụng tầng 5: Áp dụng hệ số 0,5
6. Sử dụng tầng 6 trở lên: Áp dụng hệ số 0,4

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 5. Cục Thuế thành phố Đà Nẵng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc thực hiện Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch UBND các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Duy Khương

BẢNG ĐƠN GIÁ NHÀ
ÁP DỤNG TÍNH THU LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ TRÊN ĐỊA BÀN ĐÀ NẴNG
(Ban hành theo Quyết định số 73/2007/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 12 năm 2007 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Cấp nhà	Đơn giá (đồng/m ²)
I	Nhà cấp IV	
1	Nhà trệt	600.000
2	Nhà 1 tầng (nhà mái đúc, tường xây, khung BTCT)	1.000.000
3	Nhà 2 tầng	1.100.000
4	Nhà 3 tầng	1.200.000
II	Nhà cấp III	
1	Nhà 4 đến 6 tầng	1.500.000
2	Nhà 7 đến 8 tầng	1.800.000
III	Nhà cấp II	
1	Nhà 9 đến 14 tầng	2.000.000
2	Nhà 15 đến 19 tầng	2.500.000
IV	Nhà cấp I (Nhà từ 20 tầng trở lên)	3.000.000
V	Nhà Biệt thự	2.000.000

Đối với nhà có tầng hầm thì giá của diện tích tầng hầm được áp dụng như sau :

- Nhà cấp IV: 800.000 đồng/m²
- Nhà cấp III: 1.000.000 đồng/m²
- Nhà cấp II: 1.500.000 đồng/m²
- Nhà cấp I: 2.000.000 đồng/m²
- Nhà biệt thự: 800.000 đồng/m²./.